

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên
lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030**

Thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 (gọi tắt là *Nghị quyết Đại hội*), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội bằng những nhiệm vụ, chương trình, đề án; phân công rõ cơ quan, tổ chức chủ trì, cơ quan, đơn vị phối hợp; xác định rõ thời hạn, lộ trình hoàn thành; rõ sản phẩm. Thường xuyên kiểm tra, giám sát thực hiện, định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Chương trình hành động và các nhiệm vụ, chương trình, đề án. Kịp thời biểu dương những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong thực hiện Nghị quyết Đại hội, Chương trình hành động, đồng thời phê bình những tập thể, cá nhân thiếu gương mẫu, thực hiện không nghiêm túc, đạt kết quả thấp, có hạn chế, khuyết điểm.

2. Chương trình hành động thể hiện quyết tâm chính trị cao ngay từ những ngày diễn ra Đại hội, tạo khí thế thi đua, phấn khởi, đoàn kết, thống nhất, phát huy trí tuệ trong toàn Đảng, sự đồng thuận xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội. Phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và đề cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng, nhất là người đứng đầu.

3. Chương trình hành động phải bám sát những quan điểm, chủ trương, định hướng lớn tại dự thảo các Văn kiện Đại hội XIV của Đảng và các chủ trương, quyết sách mang tính đột phá chiến lược của Trung ương, Bộ Chính trị.

4. Căn cứ Nghị quyết Đại hội, Chương trình hành động này, các cấp ủy, tổ chức chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị, đồng thời gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng cấp mình; bảo đảm thực chất, hiệu quả, quyết tâm cao, nỗ lực lớn.

II- NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy

1.1. Tập trung lãnh đạo triển khai quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, chương trình, đề án tại Chương trình hành động; chỉ đạo các cơ quan, tổ chức chủ trì tham mưu xây dựng, trình cấp có thẩm quyền thông qua các chương trình, đề án theo Phụ lục đính kèm Chương trình hành động. **(Hoàn thành trong quý II/2026)**

1.2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình hành động. **(Hoàn thành tháng 10/2025)**

2. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

2.1. Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị toàn tỉnh nghiên cứu, học tập, quán triệt, triển khai Nghị quyết Đại hội, Chương trình hành động tới các cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên trong tỉnh. **(Hoàn thành tháng 11/2025)**

2.2. Chủ trì, hướng dẫn, định hướng các cơ quan truyền thông tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết Đại hội, Chương trình hành động; kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội; những gương điển hình, cách làm sáng tạo, mô hình hiệu quả; phản ánh kịp thời những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội. **(Thực hiện thường xuyên)**

2.3. Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo đổi mới nội dung, chương trình, nâng cao hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, cập nhật kiến thức mới, kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội cho cán bộ, đảng viên tại Trường Chính trị Nguyễn Văn Linh và các trung tâm chính trị trên địa bàn tỉnh. **(Hoàn thành tháng 12/2025)**

2.4. Phối hợp với Ban Chỉ đạo 35 Tỉnh ủy chủ động nắm chắc dư luận xã hội, dự báo đúng tình hình để kịp thời phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý những vấn đề bức xúc, nhạy cảm, phát sinh trên các lĩnh vực; ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu các cấp. Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái của các thế lực thù địch; nâng cao sức đề kháng của đảng viên đối với thông tin xấu, độc. **(Thực hiện thường xuyên)**

2.5. Tiếp tục tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” theo chuyên đề toàn khóa và chuyên đề hằng năm. **(Thực hiện thường xuyên)**

2.6. Chủ trì, phối hợp với Đảng ủy UBND tỉnh tăng cường công tác dân vận chính quyền; nâng cao chất lượng dân vận chính quyền trở thành ý thức và trách nhiệm của cán bộ, công chức trong hệ thống chính quyền, góp phần củng cố, tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với Nhân dân. **(Thực hiện thường xuyên)**

2.7. Đánh giá, nhân rộng các mô hình Dân vận khéo “*Chính quyền phục vụ người dân và doanh nghiệp*”; “*Chính quyền thân thiện vì Nhân dân phục vụ*”; “*Dân vận khéo 1+10*”... **(Hoàn thành tháng 11/2025)**

2.8. Đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng công tác điều tra, nắm bắt dư luận xã hội và sự hài lòng của người dân; nâng cao năng lực phân tích, dự báo, nắm bắt và xử lý thông tin, định hướng dư luận xã hội. **(Thực hiện thường xuyên)**

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

3.1. Chủ trì, phối hợp với các cấp ủy đảng, cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo kiện toàn tổ chức, cán bộ của hệ thống chính trị sau sắp xếp; tiếp tục tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động gắn với phân cấp, phân quyền cho địa phương, cơ sở về công tác tổ chức xây dựng đảng. **(Thực hiện thường xuyên)**

3.2. Tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, đánh giá, sắp xếp, sử dụng cán bộ; đẩy mạnh luân chuyển cán bộ giữa các cấp, các ngành. **(Thực hiện thường xuyên)**

3.3. Rà soát thực trạng đội ngũ cán bộ ở các xã, phường để đề xuất kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, đồng thời tham mưu hỗ trợ điều kiện làm việc phù hợp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả, trách nhiệm của cán bộ cấp xã trong thực thi nhiệm vụ. **(Báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy quý I/2026)**

3.4. Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo đổi mới, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạch định, ban hành chủ trương, chính sách, cụ thể hóa nghị quyết của các cấp ủy đảng; tăng cường năng lực của các cơ quan tham mưu của cấp ủy đảng; đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác đảng. **(Thực hiện thường xuyên)**

3.5. Đẩy mạnh phát triển tổ chức đảng, đảng viên, nhất là đảng viên là chủ doanh nghiệp, người quản lý, điều hành trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước, khu vực kinh tế tư nhân và địa bàn dân cư. **(Thực hiện thường xuyên)**

3.6. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, sinh hoạt của cấp ủy, tổ chức đảng; nhân rộng mô hình "Chi bộ 4 tốt", "Đảng bộ cơ sở 4 tốt". **(Thực hiện thường xuyên)**

3.7. Chỉ đạo tăng cường quản lý đảng viên; kịp thời rà soát, sàng lọc, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng. **(Thực hiện thường xuyên)**

3.8. Rà soát, hoàn thiện khung năng lực, vị trí việc làm. **(Thực hiện theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương)**

3.9. Tham mưu thực hiện công tác quy hoạch cán bộ các nhiệm kỳ 2025-2030; 2026-2031; 2030-2035; 2031-2036; công tác bảo vệ chính trị nội bộ; công tác chính sách đối với cán bộ. **(Thực hiện thường xuyên)**

4. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

4.1. Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng, triển khai đồng bộ chương trình kiểm tra, giám sát từng năm và toàn khóa phù hợp với nội dung Nghị quyết Đại hội; tập trung vào những vấn đề lớn, quan trọng, những vấn đề cần tháo gỡ trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội. **(Thực hiện hằng năm)**

4.2. Phối hợp chặt chẽ giữa công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng với hoạt động thanh tra, kiểm toán, kiểm tra, giám sát, điều tra của HĐND tỉnh,

các cơ quan bảo vệ pháp luật, các ban, ngành; phối hợp với Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, Nhân dân trong công tác kiểm tra, giám sát. **(Thực hiện thường xuyên)**

4.3. Thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên, đột xuất, phát hiện, ngăn ngừa, xử lý kịp thời những sai phạm của tổ chức và đảng viên. **(Thực hiện thường xuyên)**

4.4. Cùng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy ủy ban kiểm tra các cấp; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, luân chuyển cán bộ kiểm tra, nhất là ở cơ sở. **(Thực hiện thường xuyên)**

4.5. Chủ trì, phối hợp với các cấp ủy đảng, cơ quan, tổ chức thường xuyên kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội và Chương trình hành động. **(Thực hiện thường xuyên)**

5. Ban Nội chính Tỉnh ủy

5.1. Chủ trì tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh (Ban Chỉ đạo tỉnh) phổ biến, quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, quy định của Trung ương; kết luận các phiên họp, cuộc họp của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. **(Thực hiện thường xuyên)**

5.2. Tiếp nhận, xử lý đơn, thư, thông tin, phản ánh liên quan đến tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII, Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII; tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện cơ chế, biện pháp kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. **(Thực hiện thường xuyên)**

5.3. Chủ trì, phối hợp tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh việc lãnh đạo, chỉ đạo xử lý, giải quyết các vụ án, vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực phức tạp, dư luận xã hội quan tâm và một số vụ việc, vụ án theo Chỉ thị số 26-CT/TW, ngày 09/11/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc và Hướng dẫn số 04-HD/TW, ngày 09/12/2020 của Ban Bí thư về thực hiện Chỉ thị số 26-CT/TW, ngày 09/11/2018 của Bộ Chính trị; đề xuất biện pháp giáo dục, phòng ngừa và xử lý tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và cơ quan, tổ chức các cấp. **(Thực hiện thường xuyên)**

5.4. Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Thanh tra tỉnh nắm chắc tình hình khiếu nại, tố cáo trong Đảng, những bức xúc, nổi cộm trong Nhân dân, những nơi có đơn thư khiếu nại, tố cáo đông người, vượt cấp, kéo dài; kịp thời tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo, xem xét, giải quyết. **(Thực hiện thường xuyên)**

5.5. Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả công tác cải cách tư pháp và các nhiệm vụ có liên quan, trọng tâm là Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Gắn việc thực hiện nhiệm vụ cải cách tư pháp... trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Gắn việc thực hiện nhiệm vụ cải cách tư pháp với việc tổ chức thực hiện nghiêm Quy định số 132-QĐ/TW, ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và Quy định số 183-QĐ/TW, ngày 18/9/2024 của Bộ Chính trị về bảo vệ cơ quan, tổ chức, người thi hành công vụ trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. **(Thực hiện thường xuyên)**

6. Văn phòng Tỉnh ủy

6.1. Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tăng cường đổi mới phong cách lãnh đạo, phương pháp công tác, lề lối làm việc của các cấp ủy đảng, cơ quan, tham mưu giúp việc của cấp ủy đảng từ tỉnh tới cơ sở. **(Thực hiện thường xuyên)**

6.2. Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động của các cơ quan Đảng; xây dựng cơ sở dữ liệu của các cơ quan Đảng kết nối liên thông, chia sẻ các cơ sở dữ liệu khác có liên quan. **(Thực hiện thường xuyên)**

*** 7. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh**

7.1. Chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên tuyên truyền, vận động thực hiện có hiệu quả phong trào “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; vận động xây dựng Quỹ “Vì người nghèo” và triển khai các chương trình an sinh xã hội, vận động nguồn lực hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở, sinh kế lập nghiệp, phát triển sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo. **(Thực hiện thường xuyên)**

7.2. Chủ trì hiệp thương, phối hợp với các tổ chức thành viên ở mỗi xã, phường, cơ quan, đơn vị nhận giúp đỡ các hộ gia đình thoát nghèo theo địa chỉ, số lượng cụ thể từng năm. Hằng năm, tổ chức tốt “Tháng cao điểm vì người nghèo”, xây dựng và sử dụng có hiệu quả Quỹ “Vì người nghèo” các cấp... góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. **(Thực hiện thường xuyên và trọng tâm là tháng 10 hằng năm)**

7.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong tỉnh thực hiện tốt vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; thường xuyên quán triệt, phổ biến các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, cấp ủy các cấp tới đội ngũ cán bộ làm công tác mặt trận, các tổ chức thành viên và các tầng lớp Nhân dân. **(Thực hiện thường xuyên)**

7.4. Xây dựng Chương trình, nội dung giám sát, phản biện xã hội, tập trung vào những vấn đề bức xúc, nổi cộm, Nhân dân và dư luận xã hội quan tâm. **(Thực hiện hằng năm)**

7.5. Xây dựng Chương trình phối hợp với các cấp ủy đảng, Đoàn đại biểu Quốc hội, HĐND, UBND tỉnh, các sở, ban, ngành trong công tác giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; tham gia triển khai các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước. **(Hoàn thành trong quý II/2026)**

7.6. Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. **(Thực hiện trong Quý IV/2025 và Quý I/2026)**

7.7. Thực hiện Quy chế phối hợp công tác giữa Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh với Đoàn đại biểu Quốc hội, Thường trực HĐND, UBND tỉnh, định kỳ sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phối hợp tổ chức tiếp xúc giữa đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp với cử tri; tổng hợp đầy đủ các ý kiến, kiến nghị của cử tri, theo dõi, giám sát việc giải quyết các ý kiến, đề xuất, kiến nghị của cử tri và Nhân dân. **(Thực hiện hằng năm)**

7.8. Vận động Nhân dân chủ động, tích cực tham gia đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tham gia giám sát thực hiện Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở, tiếp công dân, tham gia giải quyết và giám sát các cơ quan chính quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. **(Thực hiện thường xuyên)**

7.9. Hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ. **(Thực hiện thường xuyên)**

7.10. Chỉ đạo các tổ chức chính trị - xã hội phát triển đoàn viên, hội viên trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước, khu vực kinh tế tư nhân và địa bàn dân cư. **(Thực hiện thường xuyên)**

7.11. Chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, hội đoàn thể tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; tăng cường đồng thuận xã hội và khối đại đoàn kết toàn dân; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; tăng cường thực hiện dân chủ ở cơ sở. **(Thực hiện thường xuyên)**

8. Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh

8.1. Lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng trong các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị; chủ trì, phối hợp với các cấp ủy đảng, cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu xây dựng các chương trình, đề án, nhiệm vụ trọng tâm trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030, đảm bảo chất lượng nội dung và thời gian quy định. **(Thực hiện thường xuyên)**

8.2. Tham mưu, phối hợp và lãnh đạo thực hiện tốt Quyết định số 204-QĐ/TW ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư về phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ

quan đảng, góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trong các cơ quan đảng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành gắn với cải cách thủ tục hành chính, đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. **(Thực hiện thường xuyên)**

9. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh

9.1. Chỉ đạo tăng cường giám sát của HĐND các cấp, giám sát theo chuyên đề, tổ chức kỷ họp theo chuyên đề tập trung vào những nội dung trọng tâm mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã đề ra; trong đó, quan tâm đến tháo gỡ vướng mắc, khó khăn về cơ chế, chính sách đầu tư, quy hoạch, đất đai, tài chính, ngân sách, phát triển kinh tế - xã hội. **(Thực hiện thường xuyên)**

9.2. Chủ động tham mưu với Ban Thường vụ Tỉnh ủy kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031. **(Tháng 11/2025 - tháng 3/2026)**

9.3. Tiếp tục nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả hoạt động của HĐND các cấp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý, quản trị phát triển giữa các cấp trong tỉnh; phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của địa phương, cơ sở gắn với tăng cường giám sát tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực của các cấp chính quyền. **(Thực hiện thường xuyên)**

10. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh

10.1. Xây dựng chính quyền liêm chính, hành động, trách nhiệm, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, thực sự của dân, do dân, vì Nhân dân phục vụ; đẩy nhanh thực hiện xây dựng chính quyền số. **(Thực hiện thường xuyên)**

10.2. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính quyền địa phương hai cấp tỉnh, gọn, hiệu lực, hiệu quả, sát dân, gần dân, phục vụ Nhân dân tốt hơn gắn với sắp xếp, bố trí, sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. **(Thực hiện thường xuyên)**

10.3. Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định, quy hoạch, kế hoạch chiến lược và xây dựng hệ thống quản lý, quản trị phát triển hiện đại; thúc đẩy đổi mới sáng tạo; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn cản trở phát triển. **(Thực hiện thường xuyên)**

10.4. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, minh bạch dựa trên nền tảng chính quyền số. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đổi mới phong cách lãnh đạo, quản lý, lề lối làm việc khoa học, hiệu quả; nâng cao ý thức trách nhiệm, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. **(Thực hiện thường xuyên)**

10.5. Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng hiệu quả các trí thức trẻ, cán bộ khoa học, công nghệ, kỹ thuật và người có trình độ chuyên môn cao; khuyến khích, hỗ trợ cán bộ tham gia đào tạo chuyên sâu, đào tạo sau đại học. **(Thực hiện thường xuyên)**

10.6. Tăng cường cán bộ có năng lực cho các lĩnh vực, địa bàn khó khăn, phức tạp, nhất là ở xã, phường. **(Thực hiện thường xuyên)**

10.7. Triển khai các chủ trương, biện pháp khuyến khích, bảo vệ cán bộ “Dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới sáng tạo, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung”. **(Thực hiện thường xuyên)**

10.8. Phát triển kinh tế nhanh, bền vững theo hướng công nghiệp hiện đại, đô thị văn minh; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tái cơ cấu, chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên nền tảng, động lực chính là đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. **(Thực hiện thường xuyên)**

- Cơ cấu lại toàn diện và phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; phát huy các tiềm năng, thế mạnh để đưa Hưng Yên trở thành một trung tâm công nghiệp, năng lượng của vùng đồng bằng sông Hồng.

Tập trung thu hút đầu tư và phát triển các ngành công nghiệp chiến lược, nền tảng; các ngành sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, công nghiệp điện tử, công nghiệp bán dẫn, công nghiệp công nghệ số, tự động; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp đóng tàu, công nghiệp ô tô, công nghiệp dược, thiết bị y tế, công nghiệp năng lượng, công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Thu hút đầu tư có chọn lọc, hướng tới gia tăng giá trị sản phẩm công nghiệp, khuyến khích đầu tư vào các ngành công nghiệp mới, các dự án nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới.

Tập trung xây dựng, phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, nhất là các khu công nghiệp quy mô lớn, tiêu chuẩn quốc tế. Ưu tiên phát triển các khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp – đô thị/dịch vụ và các khu công nghiệp hỗ trợ.

- Cơ cấu lại toàn diện, phát triển nền nông nghiệp xanh, sạch, công nghệ cao, quy mô lớn; phát triển kinh tế nông nghiệp; xây dựng nông thôn mới đạt chuẩn cao hơn.

Xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp xanh, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, chuyên canh, năng suất lớn, giá trị gia tăng cao. Phát triển đặc sản truyền thống và sản phẩm nông sản có lợi thế cạnh tranh của địa phương; hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, vùng chăn nuôi, đánh bắt hải sản, nuôi trồng thủy sản. Phát triển nuôi trồng thủy sản ven bờ kết hợp với trồng và bảo vệ rừng ngập mặn và khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước.

Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai, liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân, phát triển các ngành chế biến, hình thành chuỗi giá trị nông, thủy sản chất lượng cao, xuất khẩu. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong nông nghiệp; phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kiểu mới. Phát triển đa dạng các sản phẩm OCOP. Tăng cường quản lý chất lượng nông, thủy sản ở mọi khâu theo tiêu chuẩn VietGap, GlobalGap; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hoá nông sản uy tín.

Phát triển kinh tế nông thôn sinh thái, kinh tế làng nghề, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ở khu vực nông thôn. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới theo chuẩn mới.

- Phát triển mạnh mẽ thương mại, dịch vụ, du lịch gắn với đẩy nhanh đô thị hoá.

Phát triển rộng khắp hệ thống chợ, trung tâm thương mại ở nông thôn; phát triển các hệ thống phân phối trên nền tảng số, thương mại điện tử. Tập trung phát triển các ngành dịch vụ công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, bán lẻ, phân phối hàng hóa, tài chính, ngân hàng, viễn thông, du lịch, khoa học, công nghệ, y tế, giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí.

Phát triển các ngành công nghiệp văn hoá, thể thao, hệ thống logistic, cảng biển, cảng sông, cảng cạn đồng bộ, hiện đại kết nối với hệ thống cảng trong khu vực đồng bằng sông Hồng. Xây dựng Hưng Yên trở thành trung tâm trung chuyển, phân phối hàng hóa quan trọng của vùng và liên vùng.

Tiếp tục thu hút đầu tư, phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ, du lịch đồng bộ, đa dạng; tập trung đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng các khu du lịch trọng điểm, nhất là các cơ sở lưu trú, khu nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, điểm đến du lịch, các di sản văn hóa, di tích quốc gia đặc biệt. Ưu tiên phát triển một số trung tâm thương mại, logistics, khu vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng lớn, tầm vùng và quốc gia; xây dựng các trung tâm thương mại, dịch vụ lớn trong các khu vực đô thị.

Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Tập trung xây dựng hệ thống hạ tầng, cơ sở vật chất, kỹ thuật du lịch đồng bộ, hiện đại; phát triển sản phẩm du lịch chất lượng cao, mang đậm bản sắc văn hóa, có thương hiệu và sức cạnh tranh cao. Tăng cường hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch; tổ chức các sự kiện kinh tế, xã hội, thể thao, văn hóa, ngoại giao tầm quốc gia, quốc tế; mở rộng hợp tác, liên kết vùng, liên tỉnh trong phát triển tour, tuyến du lịch, nâng cao chất lượng và sức hút của sản phẩm du lịch tỉnh Hưng Yên trong chuỗi giá trị du lịch vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước.

Rà soát, hoàn thiện đồng bộ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, chương trình phát triển đô thị, chương trình phát triển nhà ở; hình thành các khu vực đô thị trung tâm quy mô lớn, các khu đô thị vệ tinh, đô thị chức năng. Tập trung ưu tiên đầu tư, xây dựng đáp ứng trực tiếp các tiêu chí đô thị theo quy hoạch và chương trình phát triển đô thị. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa gắn với phát triển kinh tế đô thị; phát triển chuỗi các đô thị và có sự kết nối giữa các đô thị trung tâm, đô thị chức năng; phát triển các khu đô thị lớn, siêu lớn, sinh thái, thông minh, hiện đại, các mô hình đô thị mới theo định hướng giao thông (TOD). Phát triển nhà ở xã hội, nhất là dành cho công nhân, người lao động; cải thiện điều kiện nhà ở khu vực nông thôn.

- Phát triển ngành năng lượng, phấn đấu sớm đưa Hưng Yên trở thành trung tâm công nghiệp năng lượng của vùng đồng bằng sông Hồng.

Xây dựng trung tâm công nghiệp năng lượng tích hợp; hình thành chuỗi khí,

điện; hydrogen, nhà máy điện.

Ổn định nhiệt điện than; ưu tiên phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch; nghiên cứu, đánh giá tiềm năng phát triển năng lượng địa nhiệt, hải lưu,...; khuyến khích đầu tư điện hạt nhân module nhỏ.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư và tiến độ triển khai dự án Nhà máy nhiệt điện LNG Thái Bình; các dự án sản xuất hydrogen xanh, amoniac xanh, điện gió ngoài khơi, điện mặt trời áp mái, điện sinh khối, điện rác; hệ thống dự trữ năng lượng;...

Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hệ thống truyền tải điện, các trạm biến áp, đường dây 500kV, 220kV, 110kV, các đường dây trung thế, hạ thế kết nối với các nguồn điện mới đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng.

- Phát triển kinh tế biển theo hướng bền vững, khai thác hợp lý tiềm năng tài nguyên ven sông, ven biển; phát triển các ngành kinh tế hàng hải, cảng biển, cảng sông, cảng cạn và dịch vụ hậu cần logistics gắn với chuỗi cung ứng toàn cầu và khu vực đồng bằng sông Hồng.

Tích cực, chủ động tham gia liên kết trong vành đai kinh tế ven biển Duyên hải Bắc Bộ (Quảng Ninh - Hải Phòng - Hưng Yên - Ninh Bình).

Chuyển đổi Khu kinh tế ven biển thành Khu kinh tế tự do, năng động đa ngành đổi chuẩn quốc tế trở thành động lực phát triển mới của tỉnh.

Phát triển không gian kinh tế hướng biển để làm giàu từ biển. Mở rộng quy mô Khu kinh tế tự do thông qua lấn biển phù hợp với quy hoạch không gian biển quốc gia; tạo quỹ đất cho các hoạt động chức năng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến luồng hàng hải; quy hoạch, xây dựng sân bay, cảng biển nước sâu có năng lực tiếp nhận tàu tải trọng 200 nghìn tấn trở lên.

Quy hoạch, đầu tư hệ thống giao thông đa phương tiện, vận tải khối lượng lớn, tốc độ cao kết nối Khu kinh tế tự do với quốc lộ, cao tốc, với thủ đô Hà Nội, các địa phương trong vùng đồng bằng sông Hồng, các trung tâm, tiểu vùng của tỉnh.

- Phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị, kinh tế biển, năng lượng, công nghiệp.

Rà soát, hoàn thiện phương án quy hoạch đồng bộ và tăng cường đầu tư hệ thống giao thông. Đến năm 2030, cơ bản hoàn thành xây dựng các công trình giao thông trọng điểm kết nối đồng bộ giữa các khu vực trong tỉnh; kết nối với thành phố Hà Nội, các tỉnh lân cận; kết nối các khu công nghiệp, hệ thống cảng sông, cảng biển, bến thủy nội địa, cảng cạn và trung tâm kinh tế, công nghiệp, thương mại, trung tâm logistics.

Quy hoạch, phát triển hệ thống cảng biển, cảng sông, cảng cạn, hệ thống cầu qua sông kết nối với địa phương giáp ranh, các bến xe công cộng, mạng lưới vận tải liên tỉnh và nội tỉnh.

Rà soát, hoàn thiện phương án quy hoạch đồng bộ các khu công nghiệp, cụm

công nghiệp trong tổng thể tổ chức không gian kinh tế của tỉnh; phát triển các khu công nghiệp quy mô lớn, hạ tầng kỹ thuật hiện đại, đồng bộ, đáp ứng tiêu chuẩn của các nhà đầu tư toàn cầu và yêu cầu phát triển bền vững. Phát triển nhanh các cụm công nghiệp phục vụ các doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ, nhỏ và vừa, các dự án nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, sản xuất tiêu thủ công nghiệp, làng nghề.

Hoàn thiện quy hoạch và đẩy mạnh đầu tư đồng bộ các hạ tầng thương mại, dịch vụ, đô thị, nhà ở, nông thôn mới; hạ tầng để điều, thủy lợi, bảo vệ môi trường, cấp, thoát nước và phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; hạ tầng văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục, đào tạo; hạ tầng khoa học, công nghệ, hạ tầng số, năng lượng, chiếu sáng, bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình.

- Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

Xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tích hợp, liên thông, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia; xây dựng nền tảng số, các ứng dụng số, công cụ và giải pháp công nghệ.

Tăng cường giáo dục, bồi dưỡng, trang bị kiến thức số cho mọi người dân, cán bộ, đảng viên; triển khai hiệu quả phong trào "Bình dân học vụ số".

Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các trường đại học, viện nghiên cứu, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, công viên công nghệ, trung tâm dữ liệu lớn.

Phát triển doanh nghiệp công nghệ cao, công nghệ số, tài sản trí tuệ, tài sản mã hóa, tài sản số. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của tỉnh, kết nối với hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia và hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia.

Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ với các đối tác quốc tế. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, thu hút đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ chất lượng cao.

Tăng cường huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số.

Tăng cường các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; hỗ trợ việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm là đặc sản của địa phương; triển khai thực hiện có hiệu quả việc áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc, bảo đảm chất lượng, uy tín của sản phẩm, hàng hóa.

- Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế; tập trung huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp tạo đột phá và không ngừng cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, cạnh tranh, minh bạch gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính.

Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026 - 2030 theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, tập trung đầu tư cho các khâu đột phá chiến lược, các ngành, lĩnh

vực, địa bàn mang tính động lực phát triển. Phát huy vai trò của đầu tư công mở đường, lôi kéo, dẫn dắt đầu tư tư nhân; tăng cường triển khai các phương thức đầu tư đối tác công tư, nhất là trong phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục phát triển, đổi mới và nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, hợp tác xã và kinh tế hộ gia đình.

Xây dựng hệ thống doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hoạt động lành mạnh, hiệu quả, trong đó có một số doanh nghiệp lớn, có năng lực cạnh tranh và khả năng tham gia các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

Đẩy mạnh cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao năng lực cạnh tranh, quản trị, công nghệ và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; kiên quyết cơ cấu lại, xử lý doanh nghiệp nhà nước yếu kém, hoạt động kém hiệu quả.

Phát triển kinh tế tư nhân, nòng cốt là doanh nghiệp của tư nhân, động lực phát triển quan trọng nhất của tỉnh, nhất là đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội. Khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân; tạo điều kiện cho các hoạt động khởi nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tiếp tục củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, hợp tác xã, tổ hợp tác và Liên minh Hợp tác xã. Phát triển các mô hình hợp tác xã chuyên ngành, mô hình hợp tác xã kiểu mới có năng lực quản trị, điều hành, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số. Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các hợp tác xã; giữa hợp tác xã với doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể tham gia chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị.

Khuyến khích kinh tế hộ gia đình và các làng nghề phát triển hiệu quả, bền vững và bảo vệ môi trường.

Rà soát, hoàn thiện quy định, cơ chế, chính sách quản lý, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, cạnh tranh bình đẳng, thuận lợi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh cá thể được thành lập, hoạt động hiệu quả, phát triển bền vững. Tạo điều kiện các hộ kinh doanh thành lập doanh nghiệp; phát triển doanh nghiệp nhỏ, vừa thành doanh nghiệp lớn.

Tăng cường công tác thanh tra, giám sát, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các doanh nghiệp, chủ thể sản xuất kinh doanh vi phạm pháp luật.

- Tiếp tục cơ cấu lại thu ngân sách địa phương theo hướng bền vững, hiệu quả hơn; đa dạng hoá nguồn thu, mở rộng cơ sở thu; tăng cường quản lý ngân sách nhà nước, tài chính, tài sản công.

Triển khai đồng bộ các giải pháp tăng thu ngân sách địa phương; mở rộng nguồn thu, cơ sở thu, thu từ thuế, phí; giảm dần tỷ trọng nguồn thu không bền vững, nhất là thu tiền sử dụng đất; bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thu ngân sách. Tăng cường triển khai các biện pháp chống thất thu.

Quản lý chặt chẽ chi ngân sách nhà nước theo pháp luật; thực hiện tiết kiệm, nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước.

Nâng cao hiệu quả quản lý đầu tư công; bảo đảm đầu tư trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, manh mún; tập trung vốn đầu tư công cho các công trình, dự án trọng điểm tạo sức lan tỏa, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, các dự án liên kết vùng, các dự án đầu tư hạ tầng chiến lược lớn.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chuẩn bị dự án đầu tư; lựa chọn nhà thầu có năng lực tốt; đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án đầu tư công; thanh, quyết toán vốn đầu tư, bàn giao, đưa công trình hoàn thành vào sử dụng và kết thúc dự án; không để phát sinh nợ đọng trong xây dựng cơ bản; kiên quyết xử lý các dự án đầu tư công chậm tiến độ, dờ dằng kéo dài.

Rà soát, thống kê, sắp xếp và xử lý hiệu quả các tài sản công, nhất là cơ sở nhà đất, trụ sở làm việc, đất công sau sắp xếp đơn vị hành chính.

- Phát triển đồng bộ các thị trường và ổn định giá cả hàng hoá.

Đẩy mạnh phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ cạnh tranh lành mạnh. Phát triển thị trường tài chính, tiền tệ và các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh an toàn, hiệu quả. Phát triển thị trường bất động sản lành mạnh, hiệu quả; đưa Hưng Yên trở thành thị trường bất động sản lớn của khu vực.

Phát triển thị trường lao động, các dịch vụ lao động, việc làm, trung tâm giới thiệu việc làm.

Từng bước phát triển thị trường khoa học, công nghệ, sản giao dịch các sản phẩm khoa học, công nghệ.

Tăng cường quản lý nhà nước đối với các thị trường; bảo đảm cân đối cung, cầu và ổn định giá cả hàng hóa theo cơ chế thị trường, cạnh tranh lành mạnh; phòng ngừa, xử lý nghiêm các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, vi phạm pháp luật, đầu cơ, thao túng, lũng đoạn thị trường.

- Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng tâm là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và chuyển đổi số toàn diện.

Rà soát, sắp xếp, quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo. Phần đầu đưa giáo dục phổ thông của tỉnh thuộc nhóm dẫn đầu cả nước.

Tăng cường giáo dục toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, phát huy năng khiếu, sở trường của học sinh; nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn. Đổi mới nội dung, phương thức giảng dạy, giáo dục; nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Xây dựng hệ thống giáo dục mở, liên thông, bảo đảm công bằng và bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, phục vụ học tập suốt đời. Xây dựng văn hóa học đường lành mạnh.

Xây dựng các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh trở thành các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và đóng vai trò nòng cốt trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của địa phương. Đẩy mạnh phát triển giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xây dựng các cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế. Khuyến khích các trường đại học, cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao và tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường thu hút nhân tài, thu hút lao động có tay nghề cao, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cao cho người lao động, nhất là trong các lĩnh vực công nghệ cao, chuyển đổi số. Thực hiện hỗ trợ đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao, nhất là ngành nghề kỹ thuật, công nghệ phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh.

Tăng cường đầu tư xây dựng kiên cố hoá, hiện đại hoá trường, lớp học, nhất là các trường chuyên, trường năng khiếu; bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn. Ưu tiên dành quỹ đất, trụ sở cơ quan nhà nước dời dư sau sắp xếp cho các cơ sở giáo dục.

Bảo đảm số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ giáo viên; bố trí đủ số lượng biên chế giáo viên, nhân viên theo tiêu chuẩn quy định; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo.

- Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả tài nguyên, đất đai; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; kiên quyết xử lý dứt điểm các điểm "nóng" ô nhiễm môi trường.

Tổng rà soát, thanh tra, kiểm tra, xử lý dứt điểm các vi phạm về đất đai, xây dựng và các dự án đầu tư có sử dụng đất không triển khai, chậm tiến độ, gây lãng phí tài nguyên, nguồn lực. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành về quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường. Đến năm 2030, hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường hiện đại.

Tăng cường công tác giải phóng mặt bằng cho các dự án đầu tư; tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của người dân; bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và người dân có đất bị thu hồi.

Quản lý chặt chẽ việc khai thác, sử dụng hiệu quả các mỏ cát, đất, vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh. Rà soát quy hoạch, sắp xếp và đầu tư xây dựng hệ thống khai thác, sản xuất, cung cấp, phân phối nước sạch cạnh tranh, để tiếp cận và chi phí hợp lý.

Tăng cường đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt ở khu vực đô thị và nông thôn. Xây dựng các khu xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt quy mô lớn với công nghệ hiện đại, thu hồi năng lượng và tái chế chất thải. Rà soát, thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các nguồn phát thải, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các

làng nghề, cụm công nghiệp, các bãi rác tồn đọng, điểm tập kết rác gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Phối hợp với các bộ ngành, địa phương liên quan xử lý dứt điểm ô nhiễm môi trường trên hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải. Tiếp tục đầu tư hệ thống quan trắc môi trường tự động.

Nâng cao năng lực và chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường đầu tư, cải tạo, nâng cao hệ thống đê sông, đê biển và hệ thống thủy lợi; bảo đảm các công trình dân dụng, công trình hạ tầng kinh tế - xã hội đáp ứng các tiêu chuẩn phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Xây dựng công viên vĩnh hằng, đài hóa thân hiện đại, sinh thái; tổ chức các dịch vụ mai táng văn minh, thân thiện với môi trường.

10.9. Phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hóa và con người Hưng Yên; quản lý xã hội bền vững, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội. **(Thực hiện thường xuyên)**

- Xây dựng, phát triển văn hóa và con người Hưng Yên toàn diện hướng đến chân - thiện - mỹ; lấy con người làm trung tâm trong chính sách phát triển.

Chú trọng phát triển văn hóa chính trị, văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa khởi nghiệp sáng tạo và đạo đức doanh nhân.

Bảo tồn, phát huy hiệu quả các di sản văn hóa, tạo ra nhiều sản phẩm văn hóa, du lịch đặc trưng, mang đậm bản sắc của Hưng Yên; bảo tồn, phát triển các bộ môn nghệ thuật truyền thống. Phát triển công nghiệp văn hóa, thể thao; khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, thể thao, giải trí; quy hoạch không gian thể thao, văn hóa sáng tạo, phát triển nghệ thuật. Nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân, thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các địa phương, đối tượng.

Hình thành một số trung tâm thể thao, tổ hợp thể thao quy mô lớn, tầm quốc gia. Khuyến khích phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng; phát triển thể thao chuyên nghiệp và thể thao thành tích cao. Đổi mới cơ chế quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống an sinh xã hội đồng bộ, tiến bộ, công bằng, bền vững.

Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách ưu đãi người có công; giảm nghèo bền vững. Phát triển và quản lý hiệu quả hệ thống bảo hiểm, tín dụng chính sách; tạo việc làm tăng thu nhập cho người lao động, hạn chế và khắc phục rủi ro xã hội cho mọi người dân, nhất là nhóm đối tượng yếu thế. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại, linh hoạt; khuyến khích hình thành các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập.

- Nâng cao sức khỏe toàn diện của Nhân dân - cả thể chất, tinh thần, tâm vóc và tuổi thọ, cải thiện chất lượng cuộc sống

Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân; Cơ cấu lại mạng lưới y tế, nâng cao năng lực bệnh

viện tuyến tỉnh, tuyến khu vực, y tế cơ sở và y tế dự phòng; bảo đảm mọi người dân tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu có chất lượng; Phát triển hệ thống chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, chủ động thích ứng với xu hướng già hóa dân số; Thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành y tế, xây dựng cơ sở dữ liệu y tế và hồ sơ sức khỏe người dân thống nhất; Đầu tư có trọng điểm vào các bệnh viện và trung tâm y tế chất lượng cao, phát triển kỹ thuật chuyên sâu, khuyến khích xã hội hóa và đầu tư tư nhân vào lĩnh vực y tế; Đổi mới cơ chế quản lý, phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức và nhân viên y tế chất lượng cao, tăng cường nguồn lực y tế tại tuyến cơ sở; Củng cố hệ thống y tế dự phòng, nâng cao hiệu quả kiểm soát an toàn thực phẩm; Chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển, giảm mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Tăng cường đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện hạ tầng số, hệ thống viễn thông, thông tin và truyền thông.

Chủ trọng quản lý và giám sát thông tin mạng xã hội, chủ động đấu tranh, phân bác và đẩy lùi các thông tin xấu độc, góp phần bảo vệ môi trường mạng an toàn, lành mạnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, nâng cao khả năng tiếp cận thông tin chính thống và tích cực của người dân, hình thành văn hóa số trong cộng đồng. Xây dựng, phát triển các cơ quan báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại. Kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn an ninh mạng, giám sát và ứng phó kịp thời với các sự cố an ninh.

10.10. Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và quốc phòng, quân sự địa phương. Tăng cường kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Quy hoạch, triển khai khu công nghiệp, cụm công nghiệp gắn với phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh. Tăng cường nguồn lực đầu tư, xây dựng lực lượng Quân đội, Công an tỉnh cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. **(Thực hiện thường xuyên)**

10.11. Mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế và thúc đẩy ngoại giao Nhân dân. **(Thực hiện thường xuyên)**

11. Đảng ủy Quân sự tỉnh (Thực hiện thường xuyên)

- Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh toàn diện gắn sát mục tiêu xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

- Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp.

- Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân hiện đại, thể trận an ninh nhân dân và thể trận lòng dân vững mạnh.

- Quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới vùng biển.

- Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, các công trình phòng thủ vững chắc.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu quả quản lý của chính quyền, vai trò tham mưu của ban, ngành, đoàn thể các cấp, nòng cốt là cơ quan quân sự, công an trong xây dựng, hoạt động của khu vực phòng thủ; thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương; hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, chỉ huy, quy chế phối hợp hiệp đồng giữa lực lượng quân sự, công an, dân quân tự vệ và các lực lượng trong xử lý tình huống phức tạp về quốc phòng, an ninh.

- Tổ chức lực lượng quân đội phù hợp với địa bàn và chính quyền địa phương hai cấp; xây dựng lực lượng thường trực tinh, gọn, mạnh, lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ rộng khắp.

- Tăng cường sức mạnh quốc phòng, phòng thủ dân sự, ứng phó hiệu quả với các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống. Thường xuyên cảnh giác, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện; phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn.

- Tăng cường bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho các đối tượng. Thực hiện chính sách đối với Quân đội và hậu phương quân đội.

12. Đảng ủy Công an tỉnh (Thực hiện thường xuyên)

- Xây dựng lực lượng Công an tỉnh chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Bảo đảm vững chắc an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, góp phần tạo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ cuộc sống bình yên của Nhân dân.

- Bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, tư tưởng văn hóa, kinh tế, xã hội, thông tin, truyền thông, an ninh mạng; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và phòng, chống cháy, nổ hiệu quả.

- Chủ động nắm tình hình, kịp thời giải quyết các vụ việc tiềm ẩn phức tạp, không để bị động, bất ngờ, không để xảy ra gây rối an ninh, bạo loạn, lật đổ; không để hình thành tổ chức chính trị đối lập, hội nhóm trái phép và hình thành "điểm nóng" về an ninh, trật tự.

- Đẩy mạnh phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật.

- Duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, tham gia phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

- Xây dựng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự cơ sở vững mạnh. Nâng cao năng lực thực thi pháp luật của các lực lượng hoạt động ở cơ sở.

- Làm tốt công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án số 06.

13. Đảng ủy Viện Kiểm sát nhân dân, Đảng ủy Tòa án nhân dân tỉnh (Thực hiện thường xuyên)

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp; nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan tư pháp; bảo đảm công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án theo hướng chuyên nghiệp, chính xác, khách quan, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, thượng tôn pháp luật, không để oan sai, bỏ lọt tội phạm.

14. Các đảng ủy xã, phường (Thực hiện thường xuyên)

- Tập trung ổn định, nâng cao hiệu quả của hệ thống chính trị ở cơ sở, nhất là hoạt động của chính quyền và chất lượng phục vụ Nhân dân, chất lượng dịch vụ công.
- Thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương và bảo đảm an ninh trật tự xã hội ở cơ sở.
- Tăng cường quản lý nhà nước trên địa bàn, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng, ngân sách, tài chính, bảo vệ môi trường.
- Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới theo tiêu chí mới.
- Phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.
- Tăng cường giải phóng mặt bằng phục vụ triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn.
- Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, đối thoại với Nhân dân; giải quyết kịp thời, dứt điểm đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị ngay từ cơ sở; không để phát sinh đơn thư, khiếu kiện kéo dài, vượt cấp, gây phức tạp về an ninh, trật tự xã hội. Tập trung rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, cấp ủy và tổ chức đảng

1.1. Thực hiện tốt việc tuyên truyền, phổ biến, quán triệt học tập và triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, gắn với Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ cấp mình. **(Thực hiện thường xuyên)**

1.2. Căn cứ Nghị quyết Đại hội, Chương trình hành động được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I thông qua, chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện, báo cáo xin ý kiến đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách trước khi phê duyệt. **(Hoàn thành trong tháng 11/2025)**

1.3. Tham gia thực hiện các chương trình, đề án kèm theo Chương trình hành động này sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Định kỳ tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả, tiến độ thực hiện Nghị quyết Đại hội và các chương trình hành động, đề án cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết Đại hội.

2.1. Tổ chức sơ kết giữa nhiệm kỳ việc thực hiện Nghị quyết Đại hội và các chương trình, đề án thực hiện Nghị quyết Đại hội. **(Thực hiện trong Quý III/2027)**

2.2. Tổ chức tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội và Chương trình hành động. **(Thực hiện trong Quý II/2030)**

3. Các đồng chí Tỉnh ủy viên, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy là người đứng

đầu cơ quan, tổ chức chủ trì hoặc được phân công, theo dõi cơ quan, tổ chức chủ trì trực tiếp chỉ đạo xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án.

4. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy giúp Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát Chương trình hành động; định kỳ tổng hợp, báo cáo theo quy định.

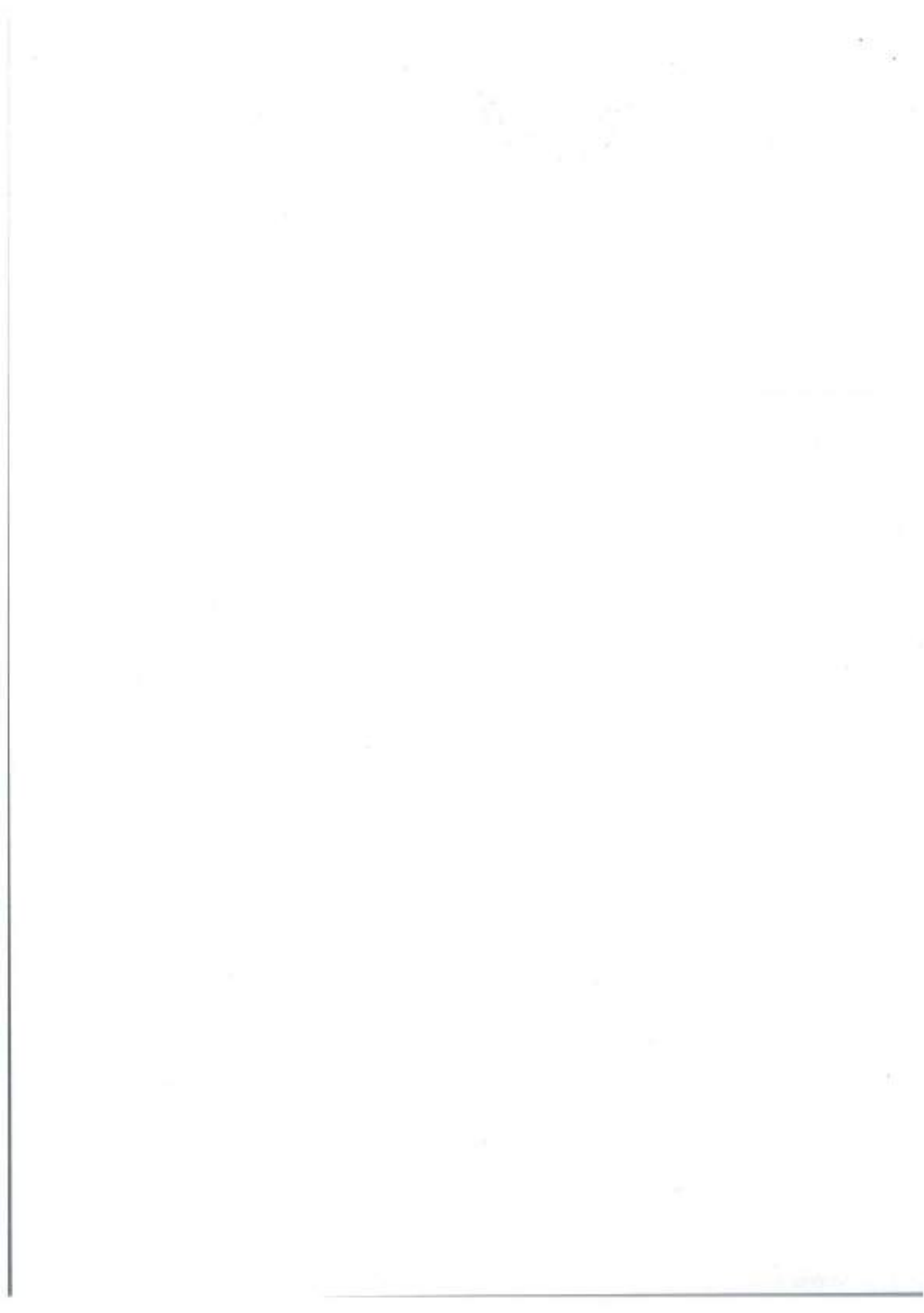
Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Trung ương Đảng,
- Đảng ủy Quân khu 3,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, UBMTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh,
- Các đảng ủy xã, phường, đảng ủy TTTU,
- Các đ/c Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh,
- Lưu VPTU.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Nguyễn Hữu Nghĩa





PHỤ LỤC 1

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Ban hành kèm theo Chương trình hành động số 01 - CT/Tr/TU,
ngày 20/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)

STT	CHỈ TIÊU	MỤC TIÊU 2025 - 2030	CẤP ỦY, CƠ QUAN THAM MƯU, CHỦ TRÌ
I	XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ		
1	Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	90 %	
	Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới hằng năm	Từ 3%/tổng số đảng viên trở lên	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
2	Công tác kiểm tra, giám sát hằng năm		Ủy ban kiểm tra
-	Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp kiểm tra, giám sát hoặc chỉ đạo kiểm tra, giám sát các đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Từ 50 % trở lên	
-	Đảng ủy cấp trên cơ sở trực tiếp kiểm tra, giám sát hoặc chỉ đạo kiểm tra, giám sát số tổ chức đảng trực thuộc	Từ 50% trở lên	
-	Các đảng ủy cơ sở kiểm tra, giám sát chi bộ trực thuộc	100 %	
-	Các chi bộ cơ sở kiểm tra, giám sát số đảng viên trong chi bộ	Từ 15 % trở lên	
II	KINH TẾ		
3	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá so sánh (GRDP)	10-11%	Sở Tài Chính
-	Quy mô GRDP đến năm 2030	600.000 tỷ đồng	
-	GRDP bình quân đầu người/năm đến năm 2030	180 triệu đồng	
4	Cơ cấu kinh tế đến năm 2030	100 %	
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	8 %	Sở Nông nghiệp và Môi trường
-	Công nghiệp, xây dựng	60 %	Sở Công Thương
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo	40,5 %	
-	Thương mại, dịch vụ	27,5 %	Sở Công Thương
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	4,5 %	
5	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	1.100.000 tỷ đồng	Sở Tài Chính
	Tỷ lệ tổng vốn đầu tư toàn xã hội so GRDP	47,6 %	
6	Thu ngân sách trên địa bàn đến năm 2030	65.000 tỷ đồng	Sở Tài Chính
-	Thu nội địa	57.000 tỷ đồng	
	Trong đó: Thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất	36.000 tỷ đồng	
-	Thu thuế xuất nhập khẩu	8.000 tỷ đồng	

7	Đóng góp bình quân của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	50 %	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa bình quân hàng năm	Trên 11%	Sở Công Thương
9	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân hàng năm theo giá so sánh	Trên 10 %	Sở Tài chính
10	Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030	50 %	Sở Xây dựng
11	Xếp hạng các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu	Sở Tài chính
	Xếp hạng chỉ số cải cách hành chính (Par Index)		Sở Nội vụ
	Xếp hạng chỉ số chuyển đổi số (DTI)		Sở Khoa học và Công nghệ
	Xếp hạng chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS)		Sở Nội vụ
	Xếp hạng chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI)		Sở Nội vụ
	Xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII)		Sở Khoa học và Công nghệ
III	VĂN HOÁ - XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2030		
12	Chỉ số phát triển con người HDI	0,79	Sở Y tế
13	Tuổi thọ trung bình	76,8 năm	Sở Y tế
	Trong đó: Thời gian sống mạnh khỏe tối thiểu	70 tuổi	
14	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	< 1 %	Sở Y tế
15	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	Trên 40,5 %	Sở Giáo dục và Đào tạo
16	Về giáo dục và đào tạo		Sở Giáo dục và Đào tạo
-	Tỷ lệ trường mầm non, trường tiểu học, trường phổ thông thuộc cả khối công lập và khối ngoài công lập đạt chuẩn quốc gia	95 %	
-	Trong đó trường mầm non, trường tiểu học và trường phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia	100 %	
17	Về y tế		Sở Y tế
-	Số bác sĩ/vạn dân	Trên 15 bác sĩ	
-	Số giường bệnh/vạn dân	Trên 43 giường bệnh	
-	Tỷ lệ người dân được khám sức định kỳ hàng năm	100%	Sở Y tế
18	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm		Sở Y tế
-	Bảo hiểm y tế	99 %	
-	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội	60 %	
19	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	< 0,5 %	Sở Nông nghiệp và Môi trường
20	Tỷ lệ thất nghiệp chung	< 1,5 %	Sở Nội vụ
	Trong đó:		
-	Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị	< 1,7 %	

-	Tỷ lệ thất nghiệp ở nông thôn	< 1,35 %	
21	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng số lao động	15 %	Sở Nội vụ
22	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới		Sở Nông nghiệp và môi trường
-	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	> 70 %	
-	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại	> 15 %	
23	Phát triển nhà ở xã hội	47.000 căn	Sở Xây dựng
IV	MÔI TRƯỜNG ĐẾN NĂM 2030		
24	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	100 %	Sở Nông nghiệp và môi trường
25	Tỷ lệ xử lý chất thải		Sở Nông nghiệp và môi trường
-	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực đô thị và nông thôn được thu gom, xử lý bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	100 %	
-	Chất thải nguy hại được thu gom xử lý an toàn theo quy định	100 %	
-	Tỷ lệ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	100 %	
-	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	100 %	
-	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	100 %	
-	Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông	Khoảng 70 %	
V	QUỐC PHÒNG AN NINH		
26	Hàng năm, kiểm chế, kéo giảm số vụ phạm tội về trật tự xã hội	Từ 10% trở lên	Công an Tỉnh



PHỤ LỤC 2

**CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG CỤ THỂ HÓA NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH HƯNG YÊN LẦN THỨ I, NHIỆM KỲ 2025 - 2030**

(Ban hành kèm theo Chương trình hành động số 01 - CTTr/TU, ngày 20/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)

TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, NHIỆM VỤ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐẢNG PHỐI HỢP	THỜI GIAN PHÊ DUYỆT	CƠ QUAN QUYẾT ĐỊNH	SẢN PHẨM
1	Đề án xây dựng Khu kinh tế tự do đa ngành Hưng Yên	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Tài chính, Đảng ủy Ban Quản lý Khu kinh tế, các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Bộ Chính trị/Quốc hội	Nghị quyết
2	Đề án xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, thuộc nhóm dẫn đầu cả nước giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Công thương và các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Tỉnh ủy	Nghị quyết
3	Đề án xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành đô thị loại I đến năm 2035 và thành phố trực thuộc Trung ương, thông minh, sinh thái đến năm 2045.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Xây dựng, Tài chính và các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Tỉnh ủy	Nghị quyết
4	Đề án xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của phía Bắc giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Tài chính, Khu kinh tế và các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Tỉnh ủy	Nghị quyết
5	Đề án tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Tỉnh ủy	Nghị quyết
6	Đề án cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Tỉnh ủy	Nghị quyết
7	Đề án phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng giao thông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Xây dựng và các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Tỉnh ủy	Nghị quyết

8	Đề án cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả lĩnh vực thương mại, dịch vụ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Công thương và các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Tỉnh ủy	Nghị quyết
9	Đề án phát triển lực lượng lao động đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nội vụ, Đảng ủy Giáo dục và Đào tạo, các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Tỉnh ủy	Nghị quyết
10	Đề án đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hệ thống giáo dục, đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo và các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Tỉnh ủy	Nghị quyết
11	Đề án phát huy giá trị truyền thống văn hóa, con người trở thành động lực phát triển quan trọng của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Tỉnh ủy	Nghị quyết
12	Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường; cơ quan, đơn vị liên quan	Quý I/2026	Tỉnh ủy	Nghị quyết
13	Đề án cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Tài chính và các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
14	Đề án cải thiện xếp hạng chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hài lòng của người dân, chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nội vụ và các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
15	Đề án cải thiện xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), chỉ số chuyển đổi số (DTI) của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ và các đảng ủy liên quan	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
16	Nghị quyết về tiếp tục phát triển đồng bộ và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025 - 2030.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Tỉnh ủy	Nghị quyết

17	Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo, các đảng ủy liên quan	Quý II/2026	Hội đồng nhân dân tỉnh	Nghị quyết
18	Chính sách khuyến khích các trường đại học, cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao và tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo, các đảng ủy liên quan	Quý II/2025	Hội đồng nhân dân tỉnh	Nghị quyết
19	Đề án xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên ngang tầm nhiệm vụ giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Đảng ủy Sở Nội vụ và các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
20	Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
21	Đề án đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống y tế tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Y tế, các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
22	Đề án nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng và phát triển tổ chức đảng, đảng viên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, các đảng ủy liên quan	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
23	Đề án Bí thư Chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, các đảng ủy liên quan	Quý II/2026	Ban Thường vụ	Nghị quyết
24	Bí thư cấp ủy, Chủ tịch UBND cấp xã không là người địa phương.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, các đảng ủy liên quan	Quý II/2026	Tỉnh ủy	Nghị quyết
25	Quy định về việc đánh giá, xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hưng Yên thay thế Quy định số 1071-QĐ/TU, ngày 05/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Quy định
26	Quy định về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử của hệ thống chính trị thay thế Quy định số 761-QĐ/TU, ngày 10/02/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Quy định

27	Quy định về luân chuyển cán bộ.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các đảng ủy liên quan	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Quy định
28	Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các cấp giai đoạn 2026 - 2030.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Đề án
29	Đề án đổi mới và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
30	Đề án tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030.	Ban Nội chính Tỉnh ủy	Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Quý I/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Chỉ thị
31	Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; học tập, quán triệt chỉ thị, nghị quyết của Đảng và công tác vận động quần chúng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.	Ban Tuyên giáo & Dân vận Tỉnh ủy	Các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
32	Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị, xã hội, hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.	Đảng ủy UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh	Các đảng ủy liên quan và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
33	Đề án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, các đảng ủy liên quan	Quý IV/2025	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
34	Đề án phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Xây dựng và các đảng ủy, sở, ngành, địa phương liên quan	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
35	Đề án phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Tài chính, Liên minh Hợp tác xã và cơ quan, đơn vị liên quan	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết

36	Đề án phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Tài chính, các đảng ủy liên quan	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
37	Đề án cơ cấu lại, đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026 - 2030	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Tài chính, các đảng ủy liên quan	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
38	Đề án phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Quý II/2026	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Nghị quyết
39	Báo cáo rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Đảng ủy UBND tỉnh	Đảng ủy Sở Tài chính, các đảng ủy liên quan	Quý I/2026	Cơ quan có thẩm quyền (thực hiện theo trình tự quy định của Luật Quy hoạch (sửa đổi))	Quyết định